CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP DHC Suối Đôi

Ngày 30/09/2025	11,800 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	24.5%	**4.2%**	**-**

DT thuần
Q3/25
79.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 2.80| 3.7%
YoY: ▲ 10.8| 15.8%

LN thuần
Q3/25
31.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.60| -4.9%
YoY: ▲ 8.40| 36.8%

LN sau thuế
Q3/25
30.7
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.70| -5.3%
YoY: ▲ 8.40| 37.6%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
41.0%
YoY: +/-▼ 4.6%

ROE (TTM)
Q3/25
4.2%
YoY: +/-▲ 0.6%

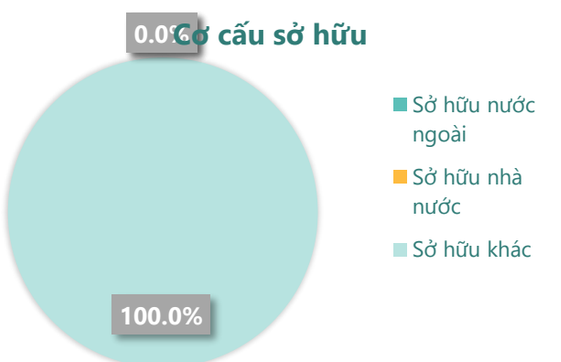
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	7,949 - 16,058
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	689
Số lượng CPLH (CP)	58,399,756
KLGD BQ 20 phiên (CP)	135
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	(0.13)
EPS	447
P/E	26.4

DT thuần
9T 2025
175
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 18.0| 11.8%

LN thuần
9T 2025
48.6
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 14.8| 43.8%

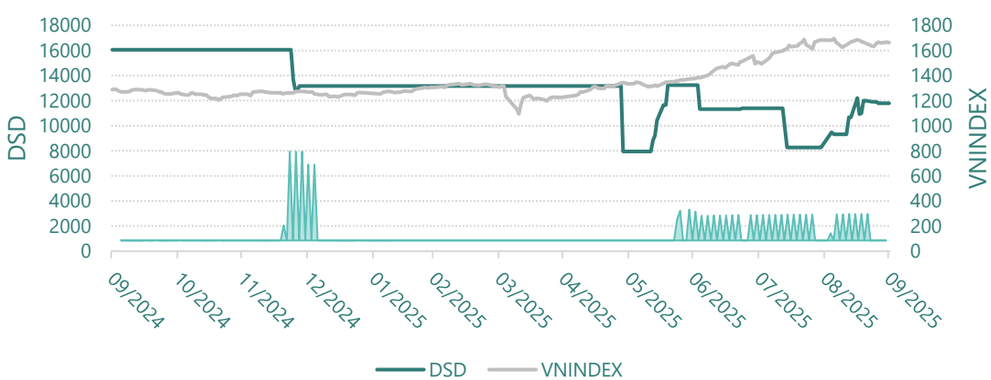
LN sau thuế
9T 2025
47.2
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 14.7| 45.3%

Cơ cấu sở hữu

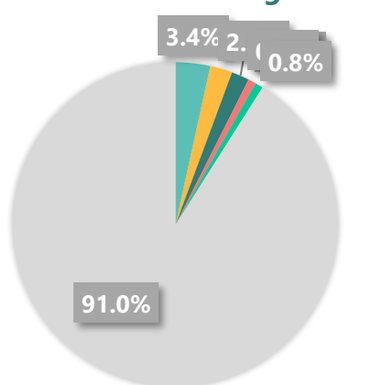


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

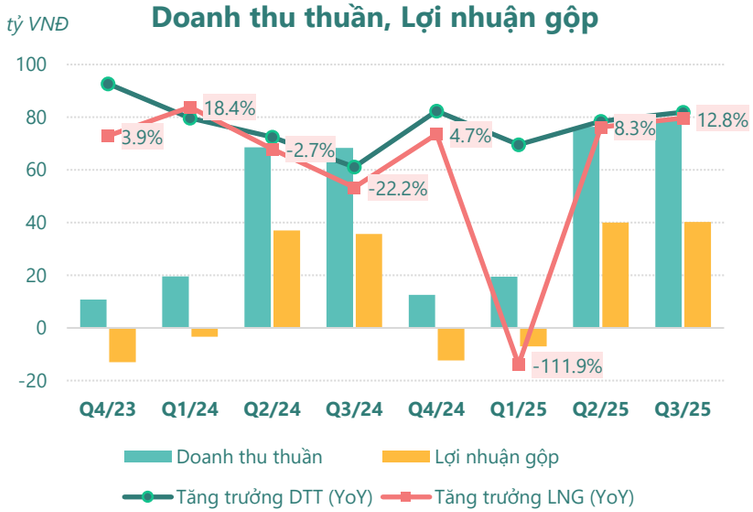


- Phạm Phương Long
- CTCP Đầu Tư DHC
- Trần Thị Hương (Chủ tịch HĐQT)
- Phạm Khắc Dương (Thành viên HĐQT)
- Lê Minh Đức (Thành viên HĐQT)
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

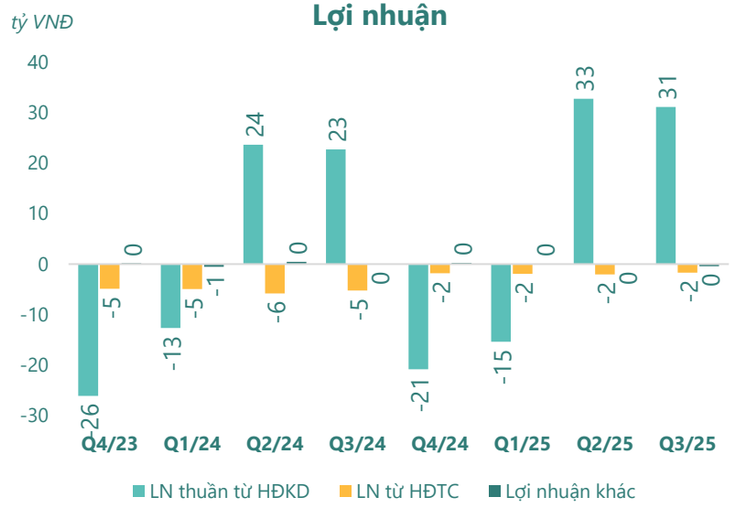
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



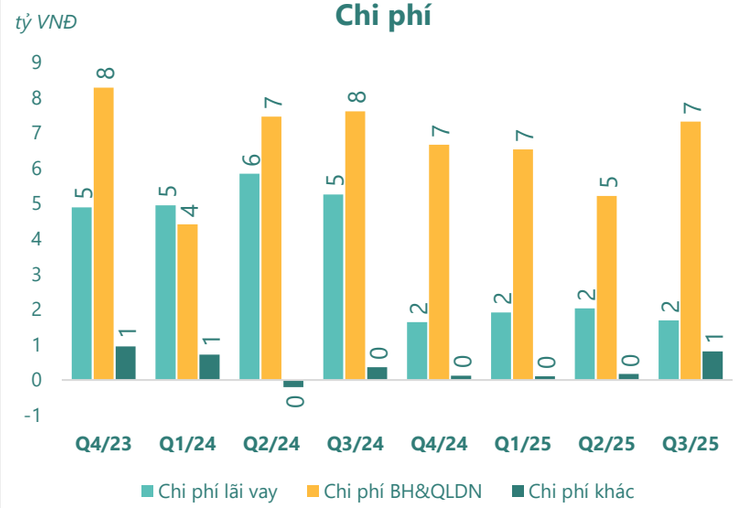
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



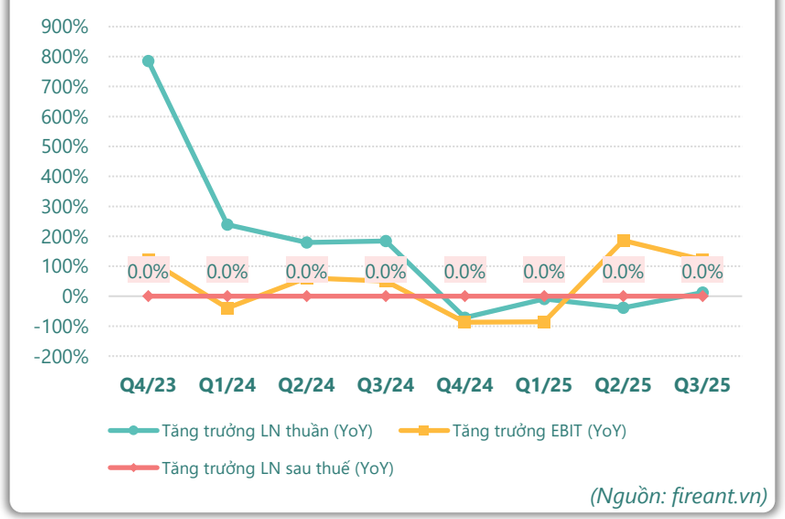
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



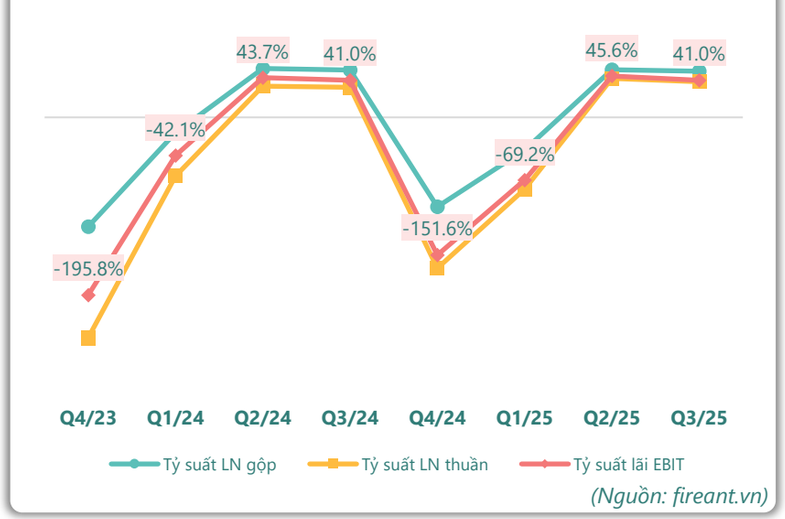
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



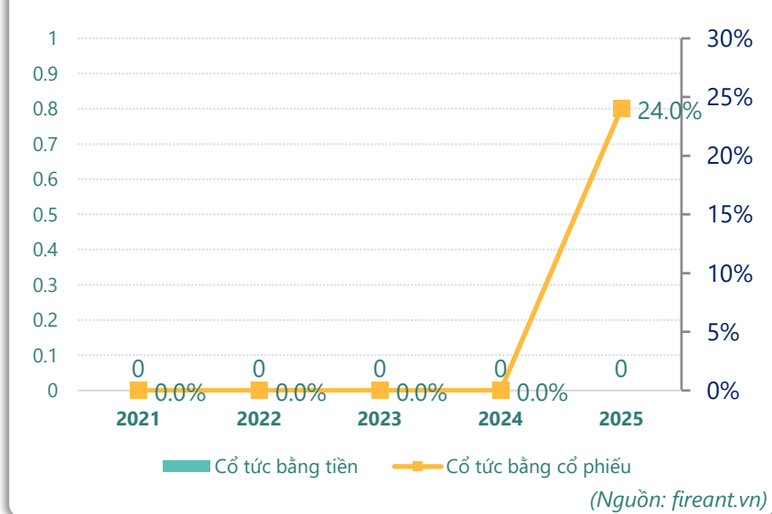
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

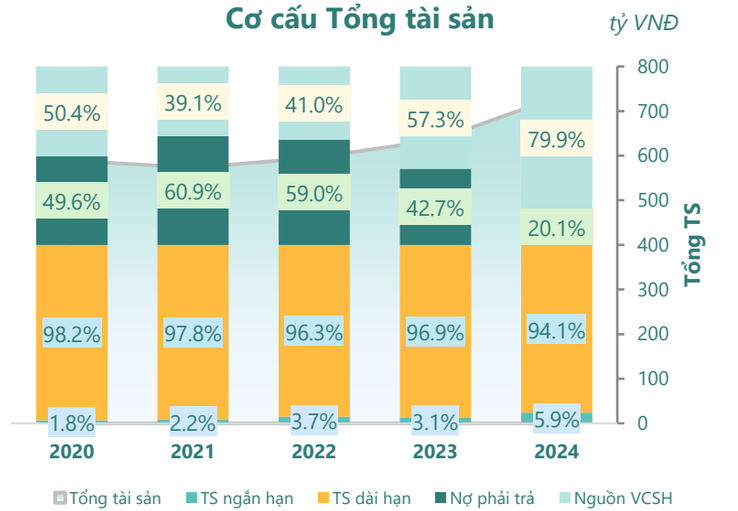
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

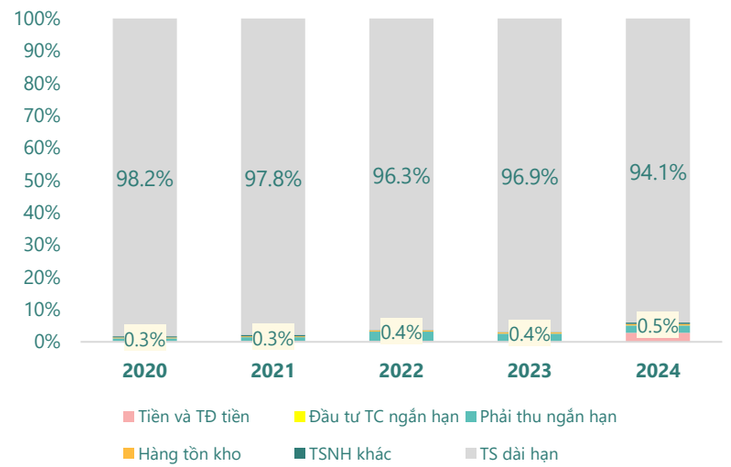
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



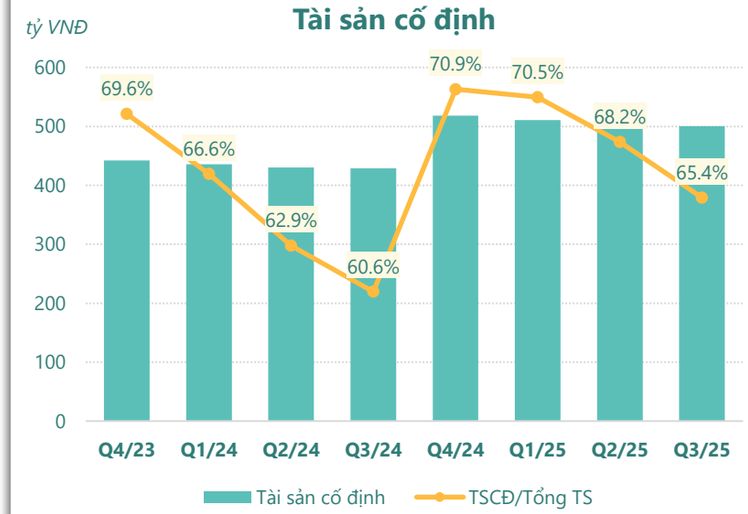
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



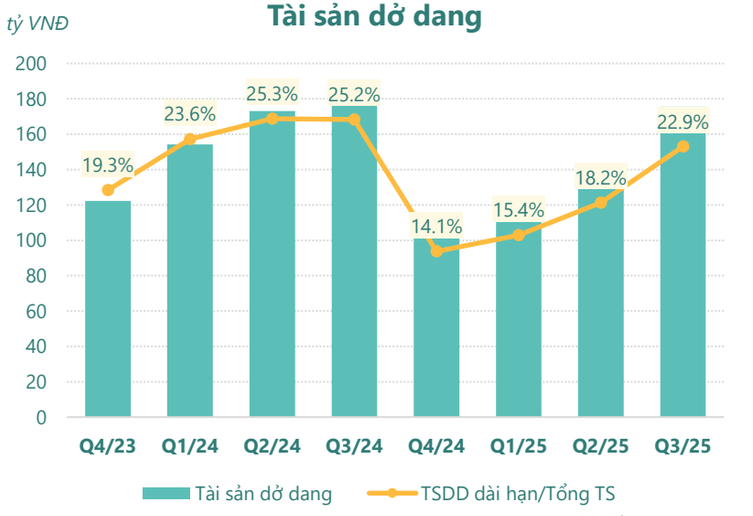
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



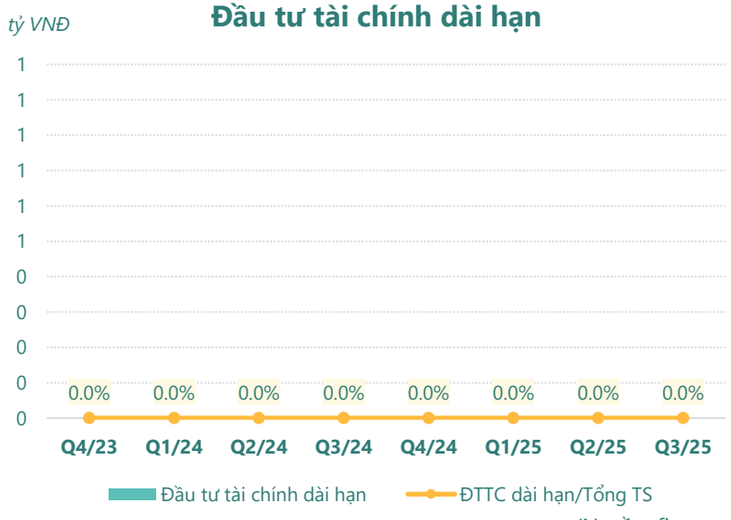
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



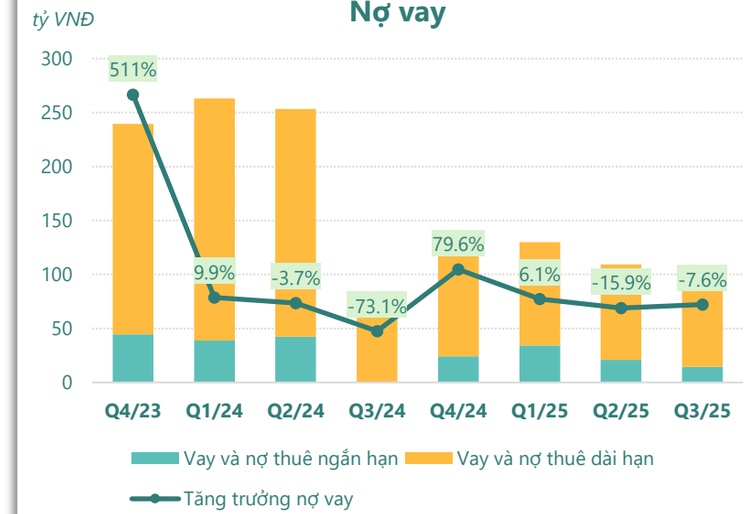
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

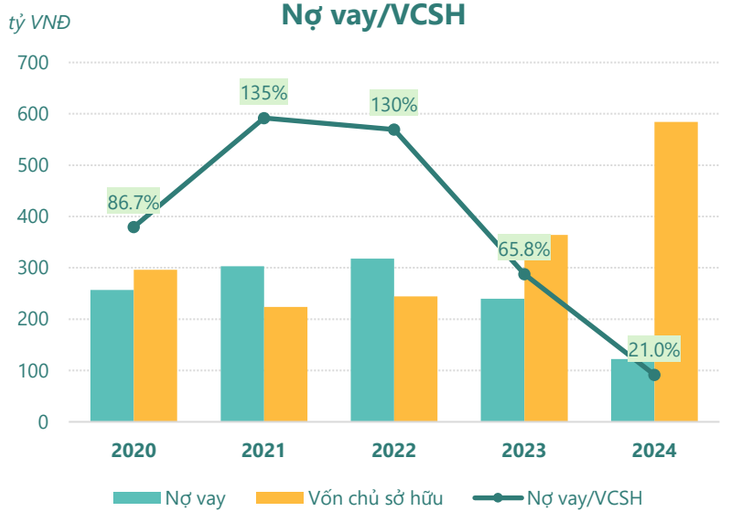
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

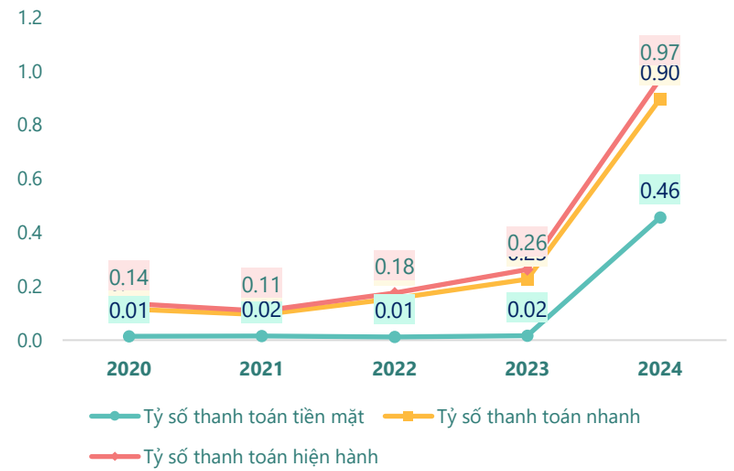
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



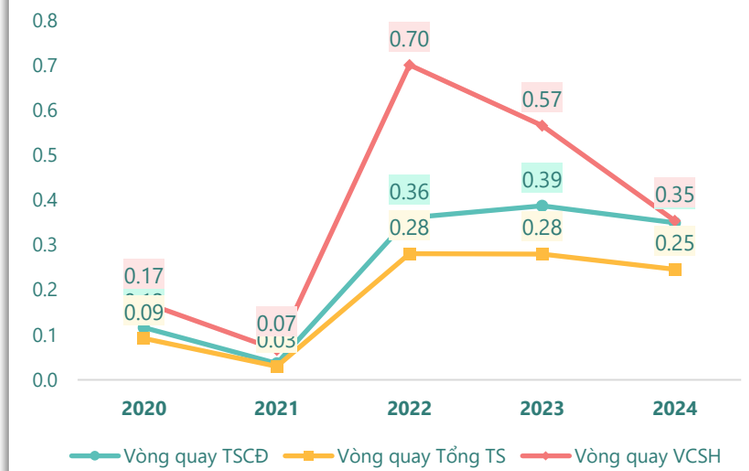
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



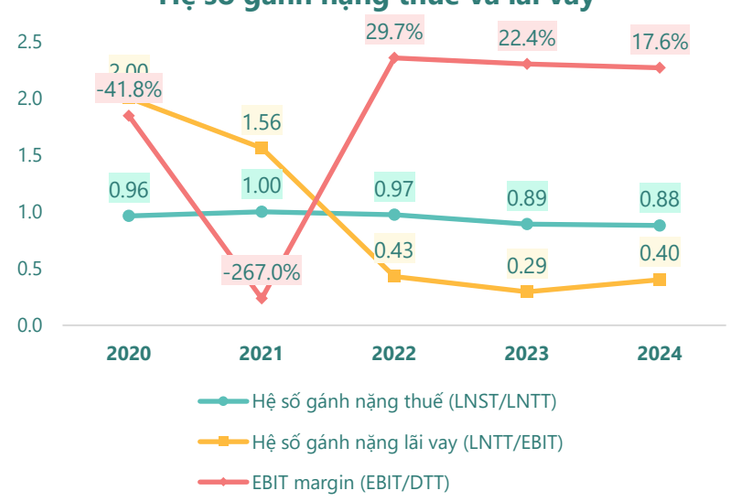
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



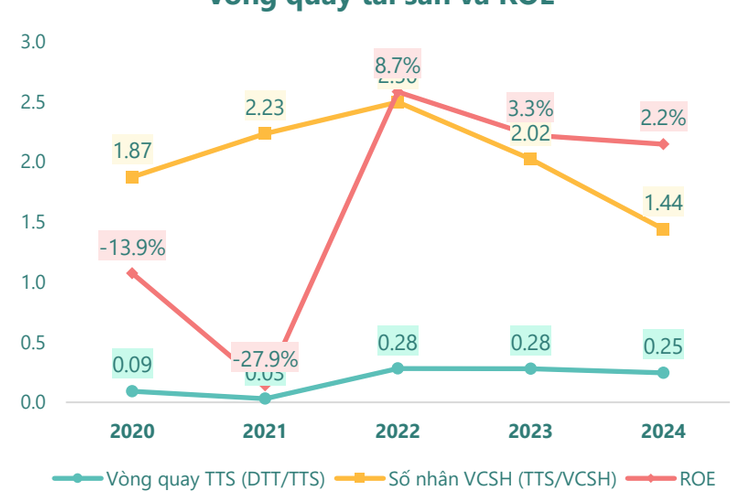
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



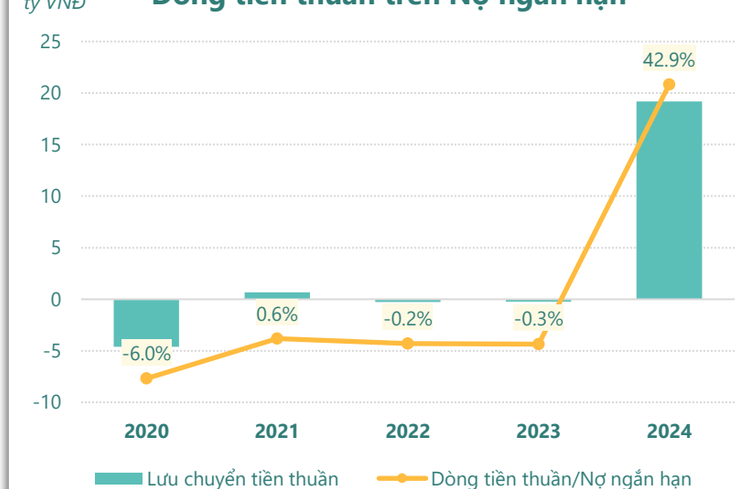
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**79.2**	**68.4**	**15.8%**	**175**	**157**	**11.8%**
Giá vốn hàng bán	39.0	32.7	19.2%	102	87.2	16.6%
Lợi nhuận gộp	40.2	35.6	13.0%	73.3	69.3	5.7%
Doanh thu HĐTC	0.01	0.00		0.01	0.00	322%
Chi phí TC	1.69	5.26	-67.8%	5.64	16.1	-64.9%
Chi phí lãi vay	1.69	5.26	-67.8%	5.63	16.1	-64.9%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	4.35	4.73	-7.9%	10.3	11.2	-8.5%
Chi phí QLDN	**2.97**	**2.89**	**2.9%**	**8.81**	**8.28**	**6.5%**
LN thuần từ HĐKD	31.2	22.8	36.8%	48.6	33.8	43.8%
Lợi nhuận khác	**-0.41**	**-0.01**	**-4044%**	**-0.37**	**-0.09**	**-320%**
LN trước thuế	30.8	22.8	35.0%	48.2	33.7	43.1%
Lợi nhuận sau thuế	**30.7**	**22.3**	**37.6%**	**47.2**	**32.5**	**45.3%**
LNST của CĐ cty mẹ	**30.7**	**22.3**	**37.6%**	**47.2**	**32.5**	**45.3%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	12.7	-0.61	-16.8	-1.61	40.7	41.4
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-1.46	-25.2	-18.4	-23.8	-4.44	-40.4
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-9.80	24.6	54.3	7.46	-20.6	-8.34
Tiền đầu kỳ	1.12	2.54	1.38	20.4	2.47	18.1
Lưu chuyển tiền thuần	**1.42**	**-1.16**	**19.0**	**-18.0**	**15.6**	**-7.31**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	2.54	1.38	20.4	2.47	18.1	10.8

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**765**	**731**	**4.7%**
Tài sản ngắn hạn	28.5	43.5	-34.4%
Tiền và tương đương tiền	10.8	20.4	-47.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	11.5	16.8	-31.4%
Hàng tồn kho	5.27	3.34	57.9%
Tài sản ngắn hạn khác	0.95	2.96	-68.0%
Tài sản dài hạn	**737**	**688**	**7.2%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	500	518	-3.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	176	103	71.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**60.9**	**66.7**	**-8.8%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	134	147	-8.7%
Nợ ngắn hạn	**43.0**	**44.7**	**-3.8%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	14.4	24.1	-40.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	21.2	12.5	69.6%
Nợ dài hạn	90.8	102	-10.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	86.6	98.4	-12.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**632**	**584**	**8.1%**
Vốn chủ sở hữu	**632**	**584**	**8.1%**
Vốn điều lệ	584	471	24.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)